

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÐ  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: **88/2020/QĐST-HNGĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*BÐ, ngày 09 tháng 6 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 116/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Hồng N, sinh năm 1982;

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Ấp TT, xã TT, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng A – Phòng giao dịch huyện BÐ

Địa chỉ: 106 KP TX, TT TB, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước

Căn cứ vào khoản 5 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2020;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Bà Đào Thị Hồng N, sinh năm 1982 và ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980; Cùng địa chỉ: Ấp TT, xã TT, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về hôn nhân:* Bà Đào Thị Hồng N và ông Nguyễn Thanh T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Thị Như Y (sinh ngày 12/10/2002) cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được

quyền cản trở.

*Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con*

- *Về tài sản chung:* Bà N và ông T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà Đào Thị Hồng N có nghĩa vụ trả cho Ngân A - Phòng giao dịch huyện BD số tiền 23.241.336 (Hai mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, ba trăm ba mươi sáu) đồng, trong đó gồm 23.000.000 đồng tiền gốc và 241.336 đồng tiền lãi (tính đến ngày 01/6/2020).

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

- *Về án phí:* Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 581.000 (Năm trăm tám mươi một nghìn) đồng. Bà N tự nguyện chịu toàn bộ 731.000 (Bảy trăm ba mươi một nghìn) đồng án phí nêu trên, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 875.000 (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017329 ngày 26/05/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Bình Phước. Hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí còn dư là 144.000 (Một trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu tiền trên.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện BD;
- THADS huyện BD;
- UBND xã TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Kiều My**